

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/HC-PT

Ngày 20-01-2025

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Phạm Văn Nhân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 426/2024/TLPT-HC ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Với điểm cầu trung tâm tại Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm có những người tiến hành tố tụng và điểm cầu thành phần tại Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gồm có các đương sự trong vụ án.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2023/HC-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3351/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Quyết định tạm dừng phiên tòa số 674/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Ngô Xuân T, sinh năm 1961

Địa chỉ: Tổ D, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố B: Ông Trần Thanh D – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố B:

- Ông Trần Mạnh T1 - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B; Vắng mặt.

- Ông Vũ Huy H - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh B: Ông Nguyễn Văn T2. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh B:

- Ông Phan Văn M – Phó Giám đốc Sở T4; Vắng mặt.

- Ông Dương Quốc H1 – Chuyên viên Sở T4. Có mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã L: ông Trần Văn D1. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã L: Ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1996 – Công chức địa chính, Môi trường. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố B, là người bị kiện và Ủy ban nhân dân tỉnh B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Ngô Xuân T và Bản án sơ thẩm, ông Ngô Xuân T trình bày:

Ngày 10/12/2019, ông T nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.309m² thuộc thửa 450, tờ bản đồ số 17 xã L (nay là thửa 88/1.460,5m²). Ngày 20/11/2020, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có văn bản trả lời diện tích đất này nằm trong quỹ đất công nên không cấp giấy. Về nguồn gốc đất, ông T cho rằng, năm 1987 ông phục hóa khu đất có tổng diện tích khoảng 6.854m² tại khu vực chùa P,

xã L. Nguyên trước đây khu đất này do nhà Chùa sử dụng nhưng sau đó bỏ hoang từ trước giải phóng. Năm 1983, bà D2 là sư chủ trì Chùa P hiến đất cho UBND xã L với ý chỉ cấp đất này cho dân không có ruộng đất.

Năm 2016, ông làm đơn xin cấp diện tích 4.206m² đất. UBND thành phố B bác yêu cầu của ông, ông phải kiện ra Tòa án, Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông, buộc UBND thành phố B phải cấp đất cho ông. Đối với diện tích còn lại 1.309m² thuộc thửa 450 do trước đây ông không yêu cầu cấp giấy nên Tòa án không giải quyết. Bản án nhận định nếu có yêu cầu thì ông T phải thực hiện đúng quy định. Nay căn cứ vào bản án của Tòa án, ông T làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số đất còn lại nhưng UBND thành phố B không cấp giấy. Ông cho rằng cùng một khu đất được phục hóa, sử dụng trước đây ông được Tòa án tỉnh công nhận và được cấp giấy.

Năm 2019, UBND xã L tự ý đưa đất của ông vào danh sách quỹ đất công, sau đó UBND thành phố B căn cứ vào đó không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, gây thiệt hại cho gia đình ông. Do vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Công văn số 9863/UBND-VP, ngày 20/11/2020 của UBND thành phố B. Buộc UBND thành phố B phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 1.460,5m² đất thuộc thửa 88, tờ Bản đồ số 17, xã L cho ông.

Người bị kiện UBND thành phố B trình bày:

Ông Ngô Xuân T xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 1.080,6m² đất thuộc thửa 88, tờ Bản đồ số 17, xã L. Qua kết quả rà soát hồ sơ khiếu nại và hồ sơ quản lý đất công do Nhà nước quản lý thì toàn bộ diện tích 1.080,6m² đất nêu trên mà ông T xin cấp giấy là một phần của thửa 88/1.640,5m² thuộc đất công do UBND xã L quản lý xác lập ngày 10/6/2015. UBND tỉnh đã có Quyết định số: 6393/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019 giao cho UBND cấp huyện quản lý. Căn cứ Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp của ông T không được cấp giấy chứng nhận. Vì vậy UBND thành phố có văn bản trả lời ông T.

Về nguồn gốc đất: Diện tích 1.080,6m² đất thuộc thửa 88, tờ Bản đồ số 17, xã L mà ông T xin cấp giấy là một phần của thửa 88/1.640,5m² tờ Bản đồ số 17, xã L đo đạc năm 2019. Theo đó, được xác định là một phần thửa đất số 263, tờ Bản đồ số 16 (cũ) có diện tích là 2.429m² tương ứng với thửa 451/748,1m² và thửa 450/1.309m² nay là thửa 88/1.640,5m². Là một phần trong tổng diện tích 15,25 ha do ông Trần Văn R là thầy tu của chùa P đứng bộ trước năm 1975 có trích lục do Ty điền địa Phước Tuy cấp ngày 11/9/1974. Khi ông R chết, bà Phạm Thị D2 đứng ra quản lý toàn bộ. Năm 1983, bà D2 cùng các vị trong Ban trưởng từ chùa P bàn giao cho UBND xã L quản lý. Năm 1991, bà D2, ông T3 cùng UBND xã P thống nhất chùa P quản lý 1,5 ha, UBND xã L quản lý 13,75 ha. Trước đó, vào năm 1987, có một số hộ dân vào bao chiếm 66.921,5m² trong tổng diện tích 13,75 ha do UBND xã L quản lý. Trong đó hộ ông T chiếm thửa 451/748,1m². Năm 2001, UBND thị xã B thu hồi của hộ ông T thửa 451/748,1m² đất lấn chiếm. Năm 2005, ông T có đơn xin cấp giấy đối với 02 thửa số 17/5.375m²

và thửa số 451/748,1m². UBND thị xã B và UBND tỉnh bác yêu cầu của ông T. Sau đó ông T khởi kiện. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã chấp nhận yêu cầu của ông T, sau đó UBND thành phố B đã thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho ông T với diện tích 5.375m² thuộc thửa số 17, xã L.

Tại thời điểm năm 2005, ông T chỉ xin cấp Giấy chứng nhận thửa số 17/5.375m² và thửa số 451/748,1m², ông T không đề nghị cấp thửa 450/1.309m². Năm 2015, UBND xã L lập danh sách đất công, theo đó đưa thửa 450/1.309m² vào quản lý theo diện quỹ đất công. Tại Quyết định số: 3693/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh B đã đưa thửa đất số 450/1.309m² vào danh sách đất công và giao cho UBND thành phố B quản lý. Do đó, căn cứ xác định 1.080,6m² vẫn thuộc đất công do Nhà nước quản lý. UBND xã L xác nhận: Đất do ông Ngô Xuân T, bà Phạm Thị N sử dụng từ trước năm 1993 là có sai sót trong quá trình xác minh. Ông T xin cấp giấy chứng nhận 1.080,6m² là một phần thửa 88/1.640,5m². UBND thành phố B có Văn bản số: 9863/UBND-VP, ngày 20/11/2020 trả lời không cấp giấy chứng nhận cho ông T là đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã L và UBND tỉnh B, có Văn bản trình bày về nguồn gốc đất và diễn biến quản lý đất công như UBND thành phố B trình bày.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2023/HC-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đã tuyên xử:

1. Tuyên bố hành vi hành chính trả hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Xuân T đối với 1.080,6m² thuộc thửa 88, tờ bản đồ số 16, xã L của UBND thành phố B là trái pháp luật. Buộc UBND thành phố B phải nhận lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Xuân T để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T theo đúng quy định của pháp luật.

2. Hủy một phần Quyết định 3693/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh B (phần giao cho UBND thành phố B quản lý thửa đất số 88/1640,5m², tờ bản đồ số 17, xã L).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ủy ban nhân dân thành phố B và Ủy ban nhân dân tỉnh B có làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 78/2023/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, cũng như người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá lại quá trình sử dụng đất, nguồn gốc đất là do C hiến cho Nhà nước nên thuộc đất công. Ông T bao chiếm sử dụng nên không có căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Yêu cầu kháng cáo sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Xuân T.

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông T trình bày tại phiên tòa phúc thẩm rằng: Vào năm 1987, khi ông từ quê ở Quảng Trị vào Vũng Tàu thì được anh ruột là ông Ngô Ngọc T3 kê khai hoang phần đất này để sử dụng, ông T3 nói là đất của C, ông không biết đất này là đất đã hiến cho Nhà nước. Sở dĩ ông không khởi kiện yêu cầu giải quyết phần diện tích này vào năm 2016 cùng với phần đất trước đây là vì ông không am hiểu pháp luật, không có thời gian đi lại thưa kiện nên đến nay ông mới có yêu cầu này để sử dụng đất cho hợp pháp vì phần đất này ông đã cất nhà ở ổn định, không có tranh chấp và đã có ghi nhận trong Sổ mục kê.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là chưa có căn cứ, bởi vì phần đất này C đã hiến cho Nhà nước. Ông T vào canh tác sử dụng mà không có sự đồng ý của Nhà nước nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Xuân T,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 7 năm 2023, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B và ngày 20 tháng 7 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh B làm Đơn kháng cáo. Xét các Đơn kháng cáo thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209 của Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Ngô Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số: 9863/UBND-VP ngày 20/11/2020 của UBND thành phố B và một phần Quyết định số: 3693/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh B về xác lập quỹ đất công; buộc UBND thành phố B phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khởi kiện đối với thửa đất có diện tích 1.309m², thuộc thửa 450 (nay là thửa số 88, tờ Bản đồ số 17 có diện tích xác định là 1.460,5m²) tọa lạc tại Tổ D, ấp P, xã L, thành phố B. Xét thấy các văn bản trên được ban hành bởi cơ quan hành chính Nhà nước, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính với quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” và còn thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[4.1] Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: Theo các tài liệu địa chính mà chính quyền thành phố Bà Rịa quản lý thì diện tích đất 1.080,6m² thuộc thửa 88, tờ Bản đồ số 17, xã L mà ông T xin cấp giấy là một phần của thửa 88/1.640,5m² tờ Bản đồ số 17, xã L đo đạc năm 2019. Theo đó, được xác định là một phần thửa đất số 263, tờ Bản đồ số 16 (cũ) có diện tích là 2.429m² tương ứng với thửa 451/748,1m² và thửa 450/1.309m² nay là thửa 88/1.640,5m². Là một phần trong tổng diện tích 15,25 ha do ông Trần Văn R là thầy tu của Chùa P đứng bộ trước năm 1975 có trích lục do Ty địa chính Phước Tuy cấp ngày 11/9/1974. Khi ông R chết, bà Phạm Thị D2 đứng ra quản lý toàn bộ. Năm 1983, bà D2 cùng các vị trong Ban trưởng tử chùa P bàn giao cho UBND xã L quản lý. Năm 1991, bà D2, ông T3 cùng UBND xã P thống nhất chùa P quản lý 1,5 ha, UBND xã L quản lý 13,75 ha. Trước đó, vào năm 1987, có một số hộ dân vào bao chiếm 66.921,5m² trong tổng diện tích 13,75 ha do UBND xã L quản lý. Trong đó hộ ông T chiếm thửa 451/748,1m². Năm 2001, UBND thị xã B thu hồi của hộ ông T thửa 451/748,1m² đất lấn chiếm. Năm 2005, ông T có đơn xin cấp giấy đối với 02 thửa số 17/5.375m² và thửa số 451/748,1m². UBND thị xã B và UBND tỉnh bác yêu cầu của ông T. Sau đó ông T khởi kiện. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã chấp nhận yêu cầu của ông T, sau đó UBND thành phố B đã thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho ông T với diện tích 5.375m² thuộc thửa số 17, xã L.

[4.2] Tại thời điểm năm 2005, ông T chỉ xin cấp Giấy chứng nhận thửa số 17/5.375m² và thửa số 451/748,1m², ông T không đề nghị cấp thửa 450/1.309m². Theo Sổ mục kê vào năm 1999 ông T có tên ở thửa 263; Sổ mục kê năm 2004 được ghi nhận thửa 450 và 451 không có tên người sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T thừa nhận vào năm 1987, khi ông từ quê ở Quảng Trị vào Vũng Tàu thì được anh ruột là ông Ngô Ngọc T3 kêu khai hoang phần đất này để sử dụng, ông T3 nói là đất của C, ông T không biết đất này là đất đã hiến cho Nhà nước.

[4.3] Từ đó có căn cứ xác định phần đất mà ông T yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ban trưởng tự Chùa P hiến cho Nhà nước từ năm 1983 và đến năm 1991 bà Phạm Thị D2, ông Ngô Ngọc T3 (anh ông Ngô Xuân T) cùng UBND xã L thống nhất Chùa quản lý 1,5ha; UBND xã L quản lý 13,75ha. Phần đất này nằm trong tổng diện tích 13,75ha do Nhà nước quản lý. Ông T tự ý vào khai thác sử dụng mà không có sự đồng ý của Nhà nước là không đúng quy định của pháp luật về quản lý đất đai. Thậm chí, từ năm 2004 Sổ mục kê cũng không có tên ông T. Ông cho rằng có đứng tên trong Sổ địa chính nhưng không có chứng cứ, tài liệu chứng minh cho vấn đề này. Thậm chí năm 2006, ông T khởi kiện yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các phần đất khác mà không có yêu cầu đối với phần đất này. Điều này phù hợp với việc người bị kiện cho rằng thời điểm năm 2016 ông T không sử dụng mà đất này do Nhà nước quản lý và mới vào tự chiếm sau năm 2016.

[4.4] Như vậy, năm 2015 UBND xã L lập danh sách đất công, theo đó đưa thửa 450/1.309m² vào quản lý theo diện quỹ đất công. Tại Quyết định số: 3693/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh B đã đưa thửa đất số 450/1.309m² vào danh sách đất công và giao cho UBND thành phố B quản lý. Do đó, có căn cứ xác định 1.080,6m² vẫn thuộc đất công do Nhà nước quản lý. UBND xã L xác nhận: Đất do ông Ngô Xuân T, bà Phạm Thị N sử dụng từ trước năm 1993 là có sai sót trong quá trình xác minh. Ông T xin cấp giấy chứng nhận 1.080,6m² là một phần thửa 88/1.640,5m². UBND thành phố B có Văn bản số: 9863/UBND-VP, ngày 20/11/2020 trả lời không cấp giấy chứng nhận cho ông T là đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định nguồn gốc đất mà ông T đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Chùa P hiến cho Nhà nước vào năm 1983 và bàn giao diện tích cụ thể vào năm 1991. Ông T từ Quảng Trị vào và tự ý bao chiếm sử dụng mà không có sự cho phép của Nhà nước, nên người bị kiện không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là có căn cứ pháp luật. Mặt khác, năm 2016, khi xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì ông T cũng không yêu cầu cấp giấy cho ông. Tại cấp phúc thẩm, ông T lý giải việc vì sao năm 2016 ông không yêu cầu Tòa án giải quyết luôn phần đất này thì ông cho rằng không am hiểu pháp luật và do công việc nhiều nên không có thời gian khởi kiện. Lý do này, kết hợp lời khai của ông T, các tài liệu thu thập về nguồn gốc sử dụng đất thì không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T. Người bị kiện thì lý giải rằng vì thời điểm đó ông T chưa bao

chiếm đất nên không có ý kiến gì với Tòa án khi xét xử năm 2016 là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố B và UBND tỉnh B, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Xuân T.

[6] Vì yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên UBND thành phố B và UBND tỉnh B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Về án phí hành chính sơ thẩm, UBND thành phố B và UBND tỉnh B không phải chịu, ông T là người cao tuổi nên miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2023/HC-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng Điều 4, Điều 22, Điều 164, Điều 165 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Xuân T về việc yêu cầu Tòa án:

1.1 Tuyên bố hành vi hành chính trả hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Xuân T đối với 1.080,6m² thuộc thửa 88, Tờ bản đồ số 16, xã L của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là trái pháp luật và buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải nhận lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Xuân T để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T theo đúng quy định của pháp luật.

1.2. Hủy một phần Quyết định số: 3693/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B (phần giao cho Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quản lý thửa đất số 88/1.640,5m², Tờ bản đồ số 17, xã L).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Ngô Xuân T được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Ông T được nhận lại số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm

ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008300 ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Không ai phải chịu. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được nhận lại số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0006177 ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ủy ban nhân dân tỉnh B được nhận lại số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0002238 ngày 24 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú